

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày 24-8-2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thắng;

Bà Hoàng Thị Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 8 năm 2020, tại phòng xét xử số 1, trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS ngày ngày 06 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày ngày 12 tháng 8 năm 2020; Thông báo chuyển ngày xét xử số 05/2020/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lý Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Lý Văn C1, sinh năm 1959; địa chỉ: Đường P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Lý Văn S, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 214, khối 6, đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Lý Văn C, Lý Văn C1, Lý Văn S: Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:* Ông Hoàng Thanh T - Luật sư của Văn Phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lý Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Lý Văn P, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị T và ông Lý Văn P:* Bà Nguyễn Thị Trung V - Luật sư Văn Phòng luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt

3. Bà Lý Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Lý Thị N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị N và bà Lý Thị N1:* Bà Bạch Ánh T - Luật sư Văn Phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Hữu P, sinh năm 2000; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1970; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng V, anh Lý Hữu P: Ông Lý Văn P, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 5 năm 2019); có mặt.

3. Ông Nông Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Nông Minh H, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ B, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn S, anh Nông Minh H: Bà Lý Thị N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Bờ suối L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2019); có mặt.

5. Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1973; địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Chị Trịnh Vân T, sinh năm 1999; địa chỉ: Đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn S, chị Trịnh Vân T: Bà Lý Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2019); có mặt.

7. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963; vắng mặt;

8. Anh Lý Văn T, sinh năm 1988; vắng mặt;

9. Anh Lý Công T, sinh năm 1985; vắng mặt;

10. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

11. Chị Lý Thị N2, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Bà Mông Thị S, sinh năm 1964; có mặt;

13. Anh Lý Hải H, sinh năm 1987; vắng mặt;

14. Chị Lý Thị H, sinh năm 1985; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

15. Anh Lý Đại H, sinh năm 1983; có mặt;

16. Chị Phạm Thị X, sinh năm 1986; có mặt.

17. Bà Lưu Thị Y, sinh năm 1964; có mặt;

18. Anh Lý Công A, sinh năm 1995; có mặt;

Cùng địa chỉ: Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

19. Chị Lý Thị M, sinh năm 1990; vắng mặt;

20. Chị Lý Thị C, sinh 1993; vắng mặt;

21. Chị Lâm Thị Ngọc B, sinh năm 1995; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

22. Bà Lý Thị P, sinh năm 1944; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

23. Ông Lý Toàn A, sinh năm 1948; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Toàn A: Bà Hoàng Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

24. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường H: Ông Nguyễn Thế Q (văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019); vắng mặt.

25. Anh Đinh Vĩnh T, sinh năm 1979, vắng mặt;

26. Chị Trần Minh N, sinh năm 1985, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Phố T, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

27. Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố L: Bà Nguyễn Ngọc H - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L và bà Phạm Thị M - Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L (Quyết định ủy quyền số 1555/QĐ-UBND ngày 17/7/2020); đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các nguyên đơn ông Lý Văn C, Lý Văn C1, Lý Văn S đều trình bày như sau: Ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H sinh được 08 người con chung là ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, ông Lý Văn T1 (đã chết năm 2006 và không có vợ, con), bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1.

Ngày 09/7/2015, ông Lý Viết B chết, ngày 29/11/2015, bà Trịnh Thị H chết. Do ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H chết không để lại di chúc, các tài sản ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H để lại gồm:

1. Đất nhà ở được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Lý Viết B tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số: BT 609494 ngày 06/11/2014, diện tích 140,6m², thửa số 490, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Đất nhà ở được UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Lý Viết B tại GCNQSDĐ số: BT 609495 ngày 06/11/2014, diện tích 77,8m², thửa số 491, tờ bản đồ số 29 tại bản đồ địa chính phường H, phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đất ruộng, nhà ở UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Lý Viết B theo GCNQSDĐ, số bìa A 912575, số vào sổ 00055 cấp ngày 13/4/1993 các thửa sau: Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, diện tích 565m²; thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 140m²; thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5, diện tích 538m²; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 575m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích 596m² tại phường H và phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây thuộc xã V, thị xã L, tỉnh Lạng Sơn).

4. Số tiền là 267.527.100 đồng của ông Lý Viết B được hưởng từ việc UBND thành phố Lạng Sơn thu hồi đất của ông Lý Viết B để làm khu đô thị tái định cư khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Lý Văn P đã nhận thay ông Lý Viết B.

Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế nêu trên, gồm: Đất ở tại khu vực bờ suối L và đất ở đường P, phường H, thành phố L ai đang quản lý, sử dụng đất từ trước thì vẫn tiếp tục

quản lý sử dụng và tính giá trị quyền sử dụng đất để bù trừ cho nhau phần chênh lệch giá trị bằng tiền.

Đối với thửa đất và nhà ở của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H tại địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 01, đường P, phường H, thành phố L chia cho bà Lý Thị T và ông Lý Văn C1 chia cho mỗi người 1/2 thửa đất và nhà ở.

Đối với các ô đất tái định cư tại khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn các đồng thừa kế được hưởng từ nguồn thừa kế của ông Lý Viết B tính giá trị lên sau đó ai được sử dụng ô tái định cư giá trị nhiều tiền hơn thì bù trừ bằng tiền cho người được hưởng tài sản giá trị ít hơn.

Đối với số tiền đền bù đất là 267.527.100 đồng của ông Lý Viết B do ông Lý Văn P đang chiếm giữ cộng vào khối tài sản thừa kế để chia đều cho 07 đồng thừa kế.

Ngày 17/3/2020, ông Lý Văn C khởi kiện bổ sung yêu cầu chia số tiền 1.906.104.750 đồng theo các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố L về bồi thường, hỗ trợ dự án chỉnh trang, phát triển và quy hoạch khu dân cư tại khối H, phường V, thành phố L; (cụ thể: Ông Lý Văn C được bồi thường và hỗ trợ đất là 659.208.750 đồng, bà Lý Thị N được bồi thường và hỗ trợ đất là 56.250.000 đồng, ông Lý Văn P được bồi thường và hỗ trợ đất là 1.028.646.000 đồng, bà Lý Thị N1 được bồi thường và hỗ trợ đất là 162.000.000 đồng); là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại chia cho các đồng thừa kế là ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người được hưởng 272.300.678 đồng. Ai đã nhận tiền trong tổng số tiền nêu trên sẽ phải đối trừ nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế khác.

Bị đơn ông Lý Văn P trình bày: Năm 1999, ông Lý Văn P lấy vợ, năm 2000 có con. Năm 2001 ông Lý Văn P được bố (Lý Viết B) chia cho ông thửa đất số 20 tờ bản đồ số 05, diện tích 538,0m² sau khi được bố mẹ chia đất vợ chồng ông xây hai gian nhà và chuồng trại bếp, giếng khoan và vật kiến trúc, nhà vệ sinh đầy đủ và sử dụng tăng gia trồng rau và sử dụng ổn định từ đó đến nay; khi thực hiện dự án kè suôi L, UBND thành phố Lạng Sơn đã thu một phần diện tích đất; đến năm 2007 UBND thành phố Lạng Sơn đã Quyết định thu hồi phần diện tích đất còn lại là 473,6m² để thực hiện dự án Chỉnh trang, phát triển đô thị và quy hoạch khu dân cư khối H, phường Vĩnh Trại (thể hiện tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 02/10/2007 của UBND thành phố Lạng Sơn). Khi UBND thành phố Lạng Sơn thu hồi đất thực hiện dự án, toàn bộ các quyết định hành chính; danh sách bồi thường tiền đất, hỗ trợ và cấp đất tái định cư đều đứng tên ông; ông là người trực tiếp đi nhận tiền; việc ông được nhận tiền bồi thường đất, hỗ trợ và giao đất tái định cư..., bố mẹ ông lúc còn sống không có ý kiến gì và cũng không có việc tranh chấp với ai. Năm 2009, ông bốc thăm trúng 01 lô đất tái định cư ô đất số 187 diện tích 75,0m² (chính là thửa đất số 292 tờ bản đồ số 20); UBND thành phố Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 giao đất tái định cư là thửa đất số 292 tờ bản đồ số 20, diện tích 75,0m² cho ông. Sau đó, do gia đình ông khiếu nại, UBND thành phố Lạng Sơn đã giao tiếp cho gia đình ông thửa đất số 383 tờ bản đồ số 20, diện

tích 67,65m² (Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND thành phố Lạng Sơn). Như vậy thửa đất số 20 tờ bản đồ số 05, diện tích 538,0m² mà các nguyên đơn yêu cầu đưa ra chia thừa kế đã không còn là tài sản của bố mẹ ông; thửa đất trên bố mẹ ông đã định đoạt chia cho ông quản lý sử dụng và sau này khi thực hiện dự án khối H thì đã được chuyển đổi là đất thuộc dự án Chinh trang, phát triển đô thị và quy hoạch khu dân cư khối H, phường Vĩnh Trại từ khi bố ông còn sống, nên thửa đất số 20 tờ bản đồ số 05, diện tích 538,0m² không phải là di sản thừa kế của bố mẹ ông.

Theo bị đơn bà Lý Thị T trình bày: Từ khi sinh ra và lớn lên bà Lý Thị T sống chung cùng bố mẹ, không đi lấy chồng, hiện nay vẫn ở nhà của bố mẹ chết để lại; địa chỉ: Đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi bố, mẹ chết có viết di chúc để cho bà Lý Thị T được hưởng thừa kế 1/2 (một nửa) ngôi nhà chung hiện nay. Nếu không chấp nhận chia thừa kế theo di chúc, bà Lý Thị T yêu cầu Tòa án chia cho bà 1/2 ngôi nhà của bố mẹ. Ngoài ra bà yêu cầu xem xét công sức chăm sóc bố mẹ ốm đau trước khi chết và trông coi, gìn giữ, quản lý tài sản của bố mẹ.

Theo bị đơn bà Lý Thị N trình bày: Còn nhỏ bà Lý Thị N ở cùng bố, mẹ, lớn lên lấy chồng được bố mẹ chia cho 70m², thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ số 20. Sau khi Nhà nước thu hồi đất chỉnh trang đô thị gia đình bà Lý Thị N được cấp một ô đất tái định cư là thửa đất số 307, tờ bản đồ 20, hiện đã bán cho ông Đình Vĩnh T và bà Trần Minh N theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/02/2014 và chuyển gia đình về ở tại thửa đất Bờ suối L, khối N, phường H, thành phố L do vợ chồng bà mua của ông Lý Viết B. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết đất của ai người đó ở, còn nhà chung của bố mẹ tại đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chia 1/2 nhà cho bà Lý Thị T theo di chúc, còn lại 1/2 nhà chung chia làm 07 phần cho 07 anh chị em.

Theo bị đơn bà Lý Thị N1 trình bày: Trước đây bà Lý Thị N1 được bố, mẹ cho đất để ở, sau đó bị Nhà nước thu hồi để làm dự án chỉnh trang đô thị. Khi Nhà nước thu hồi đất gia đình bà Lý Thị N1 được phân một ô đất tái định cư. Hiện bà Lý Thị N1 đang làm nhà ở. Yêu cầu Tòa án giải quyết đất của ai người đó sử dụng. Đối với ngôi nhà chung của bố mẹ ở tại đường P, khối N, phường H, thành phố L yêu cầu chia 1/2 cho bà Lý Thị T theo di chúc, còn lại 1/2 nhà chia đều cho 07 anh chị em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị P trình bày như sau: Ngày 06/10/2014 ông Lý Viết B có viết di chúc nội dung để lại 1/2 nhà tại đường P, khối N, phường H, thành phố L cho bà Lý Thị T, bà là người được chứng kiến việc lập di chúc và điểm chỉ vào di chúc, bà đề nghị chia nhà, đất trên theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Toàn A trình bày như sau: Ông là em trai của ông Lý Viết B, bố ông là Lý Xuân B chết 1961, mẹ ông là Châu Thị H chết năm 1971; tài sản đang tranh chấp trong vụ án là tài sản của bố, mẹ ông để lại chưa chia, ông Lý Viết B là người quản lý sử dụng. Đối với di chúc, ông không được trực tiếp chứng kiến việc ông Lý Viết B lập di chúc, nội

dung của di chúc viết như thế nào ông không biết, ông có được điểm chỉ vào di chúc nhưng do ông Lý Văn P mang sang nhà ông để ông điểm chỉ. Nay ông đề nghị chia tài sản của ông Lý Viết B theo pháp luật; ông đề nghị được chia một xuất thừa kế tài sản của ông Lý Viết B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Vĩnh T và chị Trần Minh N trình bày như sau: Tháng 2/2014 vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị N thửa đất số 307, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m². Năm 2018, anh chị đã xây nhà 4 tầng để ở, trong quá trình xây dựng nhà không xảy ra tranh chấp với ai, tài sản của anh chị không liên quan đến vụ án tranh chấp thừa kế tài sản.

Tại phiên tòa các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 20 tờ bản đồ số 05, diện tích 538,0m², Nhà nước đã thu hồi, ông Lý Văn P được và đền bù được cấp đất tái định cư thửa đất số 292 (ô đất 187) và thuộc thửa 383 (ô đất số 22), bản đồ số 20 và số tiền là 1.028.646.000 đồng ông Lý Văn P được bồi thường và hỗ trợ đất.

Ông Hoàng Thanh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện; đối với số tiền 267.527.100 đồng được đền bù do thu hồi đất của ông Lý Viết B đề nghị chia theo pháp luật; đối với di chúc bà Trịnh Thị H là người biết chữ nhưng lại điểm chỉ; UBND thành phố Lạng Sơn thu hồi đất bồi thường đất, hỗ trợ và giao đất tái định cư, căn cứ pháp luật không phù hợp nên đền bù sai đối tượng.

Bà Nguyễn Thị Trung V, bà Bạch Ánh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn phát biểu ý kiến: Phần tài sản các nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện thì đề nghị đình chỉ việc giải quyết; trong số các tài sản mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, nay chỉ có một số tài sản là di sản của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H; phần lớn tài sản (đất đai, nhà cửa, ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H đã định đoạt từ khi còn sống và diện tích đất tái định cư, số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ cho các con) thì không phải là di sản của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H; chỉ công nhận di sản thừa kế của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H để lại là: Nhà đất tại đường P, trên thửa đất 490; nhà đất này ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H đã lập di chúc chia cho bà Lý Thị T 1/2; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận di chúc lập ngày 06/10/2014, chia cho bà Lý Thị T 1/2 ngôi nhà, đất tại thửa 490 theo di chúc; phần còn lại chia theo pháp luật cho 07 người con của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H; trong đó cần tính cho bà Lý Thị T thêm một xuất thừa kế do có công chăm sóc ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H và công trông nom, quản lý di sản; đối với đất tại bờ suối L, năm 2006 ông Lý Viết B đã chia cho ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 không phải là di sản của ông Lý Viết B mà là tài sản của ông Lý Văn P, Lý Thị N, Lý Thị N1; đối với số tiền 267.527.100 đồng, bà Lý Thị T, Lý Thị N, Lý Thị N1 thừa nhận đã được ông Lý Văn P chia tiền, còn các ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S không thừa nhận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá; về chi phí tố tụng: Đối với yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận thì các đương sự được hưởng thừa

kế phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần được hưởng; đối với yêu cầu các nguyên đơn không được chấp nhận và phần mà nguyên đơn rút yêu cầu thì các nguyên đơn phải tự chịu; về án phí: Bà Lý Thị N1 thuộc hộ nghèo đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự. Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, chia di sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên diện tích 132,8m², thửa đất số 490, địa chỉ đường P, phường H, thành phố L trị giá 1.635.000.000 đồng và số tiền ông Lý Viết B được nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất là 267.527.100 đồng là di sản thừa kế của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1. Tuy nhiên, do bà Lý Thị T sống chung với ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H, là người có công sức chăm sóc bố mẹ ốm đau trước khi chết và công sức trong việc trông coi, quản lý di sản nên đề nghị chia cho bà Lý Thị T thêm một suất thừa kế chia theo pháp luật. Còn các tài sản khác, ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H đã định đoạt chia cho các con từ khi còn sống không phải là di sản của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 05 Nhà nước đã thu hồi, ông Lý Văn P được đền bù và được cấp tái định cư thửa số 292 (ô đất 187), thửa số 383 (ô đất 22) và số tiền 1.028.646.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu. Đối với yêu cầu của ông Lý Toàn A về việc chia thừa kế nhà, đất tại số 17, ngõ 1, đường P, phường H, thành phố L là của bố mẹ ông là ông Lý Xuân B (chết năm 1961), bà Châu Thị H (chết năm 1971) để lại do thời hiệu đã hết nên không xem xét. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Vĩnh T, chị Trần Minh N, ông Nguyễn Thế Q có đơn xin xét xử vắng mặt; các

bà Hoàng Thị N; anh Lý Văn T, anh Lý Công T, chị Nguyễn Thị H, anh Lý Hải H, chị Lý Thị H, chị Lý Thị M, chị Lý Thị C, chị Lâm Thị Ngọc B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ông Lý Viết B chết ngày 09/7/2015, bà Trịnh Thị H chết ngày 29/11/2015, ông bà sinh được 08 người con chung là ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, ông Lý Văn T1 (đã chết năm 2006 và không có vợ, con), bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1. Ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H không có con riêng, không có con nuôi. Bố mẹ đẻ của ông bà cũng đã chết từ lâu, ông bà không có bố mẹ nuôi.

[3] Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của các nguyên đơn ông Lý Văn C, Lý Văn C1, Lý Văn S: Khi bố mẹ là ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H chết không để lại di chúc. Di sản sau khi bố mẹ chết để lại, gồm các thửa đất và tài sản sau:

[4] Đất nhà ở được UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Lý Viết B tại GCNQSDĐ số: BT 609494 ngày 06/11/2014, diện tích 140,6m², thửa số 490, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Đất nhà ở được UBND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Lý Viết B tại GCNQSDĐ số: BT 609495 ngày 06/11/2014, diện tích 77,8m², thửa số 491, tờ bản đồ số 29 tại bản đồ địa chính phường H, phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Đất ruộng, nhà ở được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ, số bìa A 912575, số vào sổ 00055 cấp ngày 13/4/1993 cho ông Lý Viết B gồm các thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, diện tích 565m²; thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 140m²; thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5, diện tích 538m²; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 575m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích 596m² tại phường H và phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây thuộc xã V, thị xã L, tỉnh Lạng Sơn).

[7] Số tiền là 267.527.100 đồng của ông Lý Viết B được hưởng từ việc UBND thành phố Lạng Sơn thu hồi đất của ông Lý Viết B để làm khu đô thị tái định cư khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Lý Văn P đã nhận thay ông Lý Viết B.

[8] Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế nêu trên, ai đang quản lý, sử dụng đất từ trước thì vẫn tiếp tục quản lý sử dụng và tính giá trị quyền sử dụng đất để bù trừ cho nhau phần chênh lệch giá trị bằng tiền.

[9] Đối với số tiền là 267.527.100 đồng được đền bù đất của ông Lý Viết B do ông Lý Văn P đang chiếm giữ cộng vào giá trị của khối tài sản thừa kế để chia đều cho 07 đồng thừa kế.

[10] Đối với số tiền 1.906.104.750 đồng các ông Lý Văn C, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 theo được bồi thường theo các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố L về bồi thường, hỗ trợ dự án chỉnh trang, phát triển và quy hoạch khu dân cư tại khối H, phường V, thành phố L; (cụ thể: Ông Lý Văn C được bồi thường và hỗ trợ đất là 659.208.750 đồng, bà Lý Thị N được bồi thường và hỗ trợ đất là 56.250.000 đồng, ông Lý Văn P được bồi thường và hỗ trợ đất là 1.028.646.000 đồng, bà Lý Thị N1 được bồi thường và hỗ trợ đất là 162.000.000 đồng); là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại chia cho các đồng thừa kế là ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người được hưởng 272.300.678 đồng. Ai đã nhận tiền trong tổng số tiền nêu trên sẽ phải đối trừ nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế khác.

[11] Xét thấy: Tại phiên tòa các nguyên đơn ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 05 Nhà nước đã thu hồi, ông Lý Văn P được đền bù và được cấp 02 lô đất tái định cư thửa đất số 292 (ô đất 187); thửa 383 (ô đất số 22), bản đồ số 20 và số tiền là 1.028.646.000 đồng ông Lý Văn P được bồi thường và hỗ trợ đất, các nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 05 Nhà nước đã thu hồi, ông Lý Văn P được đền bù và được cấp đất tái định cư thửa đất số 292 (ô đất 187); thửa 383 (ô đất số 22), bản đồ số 20 và số tiền là 1.028.646.000 đồng ông Lý Văn P được bồi thường và hỗ trợ đất .

[12] Đối với các tài sản khác mà nguyên đơn yêu cầu đưa ra phân chia còn lại thấy rằng: Năm 1993 ông Lý Viết B được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ A 912575, số vào số 00055 cấp ngày 13/4/1993, gồm các thửa sau: Thửa đất số 584, tờ bản đồ 2, diện tích 204m²; thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, diện tích 565m²; thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 140m²; thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5, diện tích 538m²; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 575m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích 596m² tại phường H và phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây thuộc xã V, thị xã L, tỉnh Lạng Sơn). Năm 2014, ông Lý Viết B tách thửa đất số 584 thành 02 thửa 490 và 491 và cấp GCNQSDĐ số: BT 609494 ngày 06/11/2014, diện tích 140,6m², thửa số 490, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường H, thành phố L; GCNQSDĐ số: BT 609495 ngày 06/11/2014, diện tích 77,8m², thửa số 491, tờ bản đồ số 29 tại bản đồ địa chính phường H, thành phố L.

[13] Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, trước khi chết vợ chồng ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H đã chia đất cho các con, cụ thể:

[14] Theo giấy phân chia đất ngày 10/11/1996 ông Lý Văn C được chia 70m² ở bờ suối L (BL 83);

[15] Ngày 12/7/2001 ông Lý Viết B đã viết giấy chia cho ông Lý Văn C 360m² và chia cho bà Lý Thị N 70m² thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 49 (BL 369);

[16] Ngày 28/6/2006 viết giấy chia đất cho bà Lý Thị N1 diện tích 75m² thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 49 (BL 349);

[17] Theo giấy phân chia đất ngày 03/10/2006 ông Lý Văn S được chia một phần trong 03 thửa đất 45 + 56 + 57 tờ bản đồ số 32 ở bờ suối L (BL 84);

[18] Theo giấy phân chia đất ngày 03/10/2006 ông Lý Văn C được chia một phần trong 03 thửa đất 45 + 56 + 57 tờ bản đồ số 32 ở bờ suối L (BL 85);

[19] Theo giấy phân chia đất ngày 03/10/2006 ông Lý Văn P được chia một phần trong 03 thửa đất 45 + 56 + 57 tờ bản đồ số 32 ở bờ suối L (BL 99).

[20] Theo giấy phân chia đất ngày 03/10/2006 ông Lý Văn C1 được chia một phần trong 03 thửa đất 45 + 56 + 57 tờ bản đồ số 32 ở bờ suối L.

[21] Theo giấy phân chia đất ngày 09/12/2010 bà Lý Thị N1 được chia 106,9m² ở bờ suối L (BL 67);

[22] Theo giấy phân chia đất ngày 05/7/2014 bà Lý Thị N được chia 227,8m² ở bờ suối L (BL 63);

[23] Sau khi được bố mẹ việc phân chia đất, mặc dù về trình tự, thủ tục chưa hoàn thiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nhưng các con của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H được chia đất, không ai thắc mắc hay khiếu nại về việc được bố mẹ phân chia đất, những người được chia đều đã sử dụng ổn định và xây dựng nhà, các công trình trên đất. Khi có chủ trương chỉnh trang, đô thị, các hộ gia đình bị Nhà nước thu hồi đất được đền bù và hỗ trợ đất tái định cư. Khi đó vợ chồng ông Lý Viết B và các con của ông Lý Viết B không ai thắc mắc, khiếu nại, nên xác định việc tặng cho đó là hợp pháp. Do đó các thửa đất được cấp tái định cư khi thu hồi đất không phải là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H.

[24] Đối với số tiền ông Lý Văn C được bồi thường và hỗ trợ đất là 659.208.750 đồng; bà Lý Thị N được bồi thường và hỗ trợ đất là 56.250.000 đồng; bà Lý Thị N1 được bồi thường và hỗ trợ đất là 162.000.000 đồng khi thu hồi đất không phải là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H.

[25] Đối với thửa đất 307, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m² của bà Lý Thị N được cấp tái định cư và đã chuyển nhượng cho ông Đinh Vĩnh T và bà Trần Minh N theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/02/2014. Năm 2018, ông Đinh Vĩnh T, bà Trần Minh N đã xây một nhà 04 tầng để ở. Đây không phải là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H.

[26] Tại Biên bản thẩm định, định giá ngày 22/4/2019, thửa số 490, tờ bản đồ số 29, có diện tích đất 132,8m², bản đồ địa chính phường H, thành phố L, tại địa chỉ đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trên đất có một nhà xây năm 1957, 01 nhà bếp, đất và tài sản trên đất có trị giá 1.635.000.000 đồng và số tiền 267.527.100 đồng được đền bù do thu hồi đất của ông Lý Viết

B. Bà Lý Thị T là người trực tiếp chăm sóc ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H ốm đau trước khi chết và là người trực tiếp quản lý, trông coi, gìn giữ khối tài sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại.

[27] Đối với di chúc ông Lý Viết B lập ngày 06 tháng 10 năm 2014; nội dung để lại 1/2 ngôi nhà, đất ở đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho bà Lý Thị T, việc lập di chúc không khách quan, chưa đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận. Do di chúc vô hiệu nên việc các nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định di chúc là không cần thiết, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[28] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: Diện tích nhà, đất thừa số 490, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường H, thành phố L trị giá 1.635.000.000 đồng và số tiền 267.527.100 đồng được đền bù do thu hồi đất của ông Lý Viết B là di sản thừa kế của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H có tổng cộng trị giá 1.902.575.100 đồng. Do di chúc ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H vô hiệu nên tài sản chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị T, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 (07 người) là các con của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H.

[29] Bà Lý Thị T, không thành lập gia đình riêng là người có công sức trực tiếp chăm sóc ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H ốm đau trước khi chết và là người trực tiếp trông coi gìn giữ khối tài sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại nên cần xem xét chia bà Lý Thị T được hưởng thêm một suất thừa kế chia theo pháp luật, cụ thể: $1.902.575.100 \text{ đồng} : 8 \text{ suất} = 237.821.887 \text{ đồng}$ (làm tròn số 237.821.800 đồng).

[30] Như vậy các ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người được hưởng 237.821.800 đồng; bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người đã nhận với ông Lý Văn P là 15.000.000 đồng, nên bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi bà còn được nhận số tiền là 222.821.800 đồng.

[31] Bà Lý Thị T được hưởng số tiền $237.821.800 \text{ đồng} \times 2 = 475.643.600 \text{ đồng}$; bà Lý Thị T đã nhận với ông Lý Văn P là 20.000.000 đồng, nên bà Lý Thị T còn được nhận số tiền là 455.643.600 đồng.

[32] Ông Lý Văn P đi nhận tiền của ông Báo 267.527.100 đồng; ông đã chia cho bà Lý Thị N, Lý Thị N1 mỗi người 15.000.000 đồng; bà Lý Thị T 20.000.000 đồng; xác định ông Lý Văn P còn cầm số tiền là 217.527.100 đồng. Kỳ phần của ông Lý Văn P được hưởng là 237.821.800 đồng; còn thiếu số tiền 20.294.700 đồng.

[33] Các đương sự trong vụ án đều đã có nhà để ở, các đương sự nhất trí cho bà Lý Thị T và ông Lý Văn C1 được trực tiếp quản lý, sử dụng, sở hữu mỗi người 1/2 ngôi nhà, đất ở đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể: Bà Lý Thị T được quản lý, sử dụng, sở hữu 70,3m² đất và 1/2 nhà trên đất; phần tài sản bà Lý Thị T được quản lý, sở hữu có trị giá là 864.324.000 đồng; số tiền bà Lý Thị T còn được hưởng 455.643.600 đồng; số tiền chênh lệch

864.324.000 đồng - 455.643.600 đồng = 408.680.400 đồng, bà Lý Thị T có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Lý Thị N và Lý Thị N1 mỗi người 204.340.200 đồng;

[34] Ông Lý Văn C1 được quản lý, sử dụng, sở hữu 62,5m² đất và 1/2 nhà trên đất có trị giá là 770.724.000 đồng, ký phần thừa kế ông Lý Văn C1 được hưởng 237.821.800 đồng; số tiền chênh lệch 770.724.000 đồng - 237.821.800 đồng = 532.902.200 đồng, ông Lý Văn C1 có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Lý Văn C, ông Lý Văn S mỗi người là 237.821.800 đồng; thanh toán trả cho ông Lý Văn P số tiền 20.294.700 đồng; thanh toán cho bà Lý Thị N, Lý Thị N1 mỗi người là 18.481.900 đồng.

[35] Đối với yêu cầu của ông Lý Toàn A đưa ra, ông yêu cầu được chia di sản của ông Lý Viết B theo pháp luật, không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[36] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn đưa ra, một số đề nghị là phù hợp và có căn cứ pháp lý được chấp nhận, một số đề nghị không phù hợp và không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[37] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn đưa ra một số đề nghị là phù hợp và có căn cứ pháp lý được chấp nhận, một số đề nghị không phù hợp và không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[38] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đưa ra không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[39] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[40] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo vẽ sơ đồ đất tranh chấp: Tổng chi phí hết số tiền là 47.500.000 đồng (Trong đó: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.500.000 đồng; ông Đinh Vĩnh T đã tự nguyện chịu số tiền đã nộp 2.000.000 đồng, số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản còn lại là 5.500.000 đồng; tiền chi phí cho việc đo vẽ sơ đồ 08 khu đất tranh chấp là 40.000.000 đồng, chia bình quân tiền chi phí cho việc đo vẽ sơ đồ mỗi khu đất 5.000.000 đồng); các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu số tiền trên. Nay chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xác định thừa đất số 490 là di sản thừa kế của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H; 07 thửa đất còn lại xác định không phải là di sản của ông Lý Viết B, bà Trịnh Thị H. Bởi vậy theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đối với phần không được chấp nhận và phần các nguyên đơn rút yêu cầu thì các nguyên đơn phải tự chịu các chi phí tố tụng; yêu cầu của các nguyên đơn đối với 07 thửa đất không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải tự chịu chi phí đo đạc bản đồ của 07 thửa đất với số tiền là 35.000.000 đồng (07 thửa x 5.000.000đ/thửa). Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo vẽ sơ đồ đất được chấp nhận

hết 10.500.000 đồng; các đương sự được hưởng giá trị tài sản ngang nhau nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản ngang nhau; ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1, ông Lý Văn P mỗi người phải chịu số tiền là 1.312.500 đồng; bà Lý Thị T phải chịu số tiền là 2.625.000 đồng. Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S đã nộp tiền tạm ứng chi phí. Vì vậy các bị đơn bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1, ông Lý Văn P mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho các nguyên đơn số tiền 1.312.500 đồng; bà Lý Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho các nguyên đơn số tiền là 2.625.000 đồng.

[41] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét thấy: Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1 là người cao tuổi, bà Lý Thị N1 thuộc hộ nghèo thuộc đối tượng được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1 và bà Lý Thị N1; các đương sự khác: Ông Lý Văn S, ông Lý Văn P, bà Lý Thị T, bà Lý Thị N phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mà mình được hưởng. Cụ thể: Ông Lý Văn S, ông Lý Văn P, bà Lý Thị N mỗi người được hưởng số tiền 237.821.800 đồng, nên mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 11.891.000 đồng; Bà Lý Thị T được hưởng số tiền 475.643.600 đồng, nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 23.782.000 đồng; ngoài ra ông Lý Văn S còn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[42] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 147, khoản 1, 2, 4 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5, diện tích 538m² (được chuyển đổi thành thửa số 3,

tổng diện tích 538m² Nhà nước đã thu hồi làm khu tái định cư khối H phường V, thành phố L và ông Lý Văn P được cấp 02 ô đất tái định cư thửa số 292, 383, tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính phường H) và số tiền ông Lý Văn P được bồi thường, hỗ trợ về đất là 1.028.646.000 đồng, do các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S về việc yêu cầu xác định các thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, diện tích 565m² và thửa đất số 35, tờ bản đồ số 5, diện tích 140m² (tại bờ suối L nay các ông Lý Văn P, ông Lý Văn C, ông Lý Văn S, ông Lý Văn C1 đang quản lý, sử dụng làm nhà ở); thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 575m² (được chuyển đổi thành thửa số 25, diện tích 677,1m² đã được Nhà nước thu hồi làm khu tái định cư khối H, phường V, thành phố L đồng thời đã cấp 02 ô đất tái định cư cho ông Lý Văn C, 01 ô đất tái định cư cho bà Lý Thị N, 01 ô đất tái định cư cho bà Lý Thị N1; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5, diện tích 596m² (là đất tại bờ suối L nay bà Lý Thị N1, bà Lý Thị N và ông Lý Toàn A đang quản lý, sử dụng); thửa số 491, diện tích 77,8m², tờ bản đồ số 29 (nay ông Lý Văn C1 đang quản lý sử dụng 83,8m²), đất tại phường H và phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây thuộc xã V, thị xã L, tỉnh Lạng Sơn) và số tiền được bồi thường và hỗ trợ đất của ông Lý Văn C là 659.208.750 đồng, bà Lý Thị N là 56.250.000 đồng, bà Lý Thị N1 là 162.000.000 đồng) là di sản của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại vì không có căn cứ.

3. Công nhận diện tích 132,8m² đất ở thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường H, thành phố L; địa chỉ đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trên đất có 01 nhà diện tích 58m², 01 nhà bếp có diện tích 12,9m² có giá trị 1.635.000.000 đồng và số tiền 267.527.100 đồng. Tổng giá trị tài sản 1.902.575.100 đồng là di sản thừa kế của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại.

Không công nhận di chúc ông Lý Viết B lập ngày 06 tháng 10 năm 2014 đối với ngôi nhà, đất ở đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Xử phân chia di sản thừa kế của ông Lý Viết B và bà Trịnh Thị H để lại, như sau:

3.1. Ông Lý Văn C1 được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu di sản thừa kế đối với diện tích 62,5m² đất, nhà trên đất thuộc một phần thửa đất số 490, tờ bản đồ địa chính số 29, địa chỉ đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp sau: Phía Tây Bắc giáp đường P có cạnh NF dài 3.63m; phía Đông Bắc giáp đất ông Lý Văn C1 có cạnh CF dài 15.21m; phía Đông Nam giáp đất sân có cạnh MC dài 5.47m; phía Tây Nam giáp đất bà Lý Thị T được chia có cạnh MN dài 16.47m cùng ½ ngôi nhà ở và ½ bếp tương ứng với phần đất được chia nêu trên có trị giá 770.724.000 đồng.

3.2. Bà Lý Thị T được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu di sản thừa kế đối với diện tích 70,3m² đất, nhà trên đất thuộc một phần thửa đất số 490, tờ bản đồ địa chính số 29, địa chỉ đường P, khối N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng

Son, có các phía tiếp giáp sau: Phía Tây Bắc giáp đường P có cạnh NE dài 4.06m; phía Đông Bắc giáp đất ông Lý Văn C1 được chia có cạnh NM dài 16.47m; phía Đông Nam giáp đất sân có cạnh MD dài 4.85m; phía Tây Nam giáp đất ông Q có cạnh DE dài 16.14m cùng $\frac{1}{2}$ ngôi nhà ở và $\frac{1}{2}$ bếp tương ứng với phần đất được chia nêu trên có trị giá 864.324.000 đồng.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới thửa đất kèm theo bản án, bút lục số 857).

Ông Lý Văn C1 và bà Lý Thị T có nghĩa vụ kê khai, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

3.3. Bà Lý Thị T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần cho bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người số tiền 204.281.000 đồng.

3.4. Ông Lý Văn C1 có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế, số tiền cụ thể: Ông Lý Văn C số tiền 237.821.800 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, tám trăm đồng); ông Lý Văn S số tiền 237.821.800 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, tám trăm đồng); cho ông Lý Văn P số tiền 20.294.700 đồng (hai mươi triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm đồng); cho bà Lý Thị N số tiền 18.481.900 đồng; bà Lý Thị N1 số tiền 18.481.900 đồng (mười tám triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, chín trăm đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo vẽ sơ đồ đất tranh chấp:

- Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S phải chịu số tiền là 38.937.500đ (ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); xác nhận ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S đã nộp đủ;

- Ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người phải chịu số tiền là 1.312.500 đồng (một triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

- Bà Lý Thị T phải chịu số tiền là 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Ông Lý Văn P, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 mỗi người phải trả cho các ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S số tiền là 1.312.500 đồng; bà Lý Thị T phải trả cho các ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1, ông Lý Văn S số tiền là 2.625.000 đồng;

- Anh Đinh Vĩnh T tự nguyện chịu số tiền là 2.000.000 đồng (xác nhận anh Đinh Vĩnh T đã nộp đủ).

5. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Ông Lý Văn C, ông Lý Văn C1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà Lý Thị N1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

Hoàn trả cho ông Lý Văn C 1.385.000đ (một triệu ba trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02966 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả cho ông Lý Văn C1 1.385.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02967 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6.2. Ông Lý Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.891.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch, tổng cộng 12.191.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 1.385.000 đồng ông Lý Văn S đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02968, ngày 12/12/2018, ông Lý Văn S còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 10.806.000 đồng (mười triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).

6.3. Ông Lý Văn P, bà Lý Thị N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.891.000 đồng (mười một triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng);

6.4. Bà Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.782.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Lương Thị Lan

